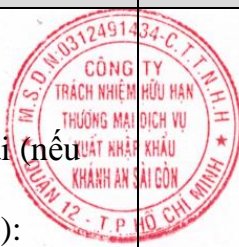


Phụ lục 17
(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT
ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương)
CÔNG TY TNHH TM DV KHÁNH AN SÀI GÒN

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)
LINEAR ALKYL BENZENE SULFONATE	

Số CAS: Hỗn hợp
Số UN: Không có thông tin
Số đăng ký EC: Không có thông tin
Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có):
Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):



I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: Trichlorisocyanuric acid 90% - Tên thương mại: - Tên khác (không là tên khoa học): - Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: - Tên nhà sản xuất và địa chỉ: - Mục đích sử dụng: Dùng để khử trùng chất thải, tiêu diệt các vi sinh vật trong nước, phòng ngừa kiểm soát dịch bệnh.	Mã sản phẩm nếu có Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn 30/17 Đường HT 31, KP 1, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM ĐT: 08.6683.3399 Fax: 08.6250.7935
--	--

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
LAS	Hỗn hợp	$\text{CH}_3(\text{CH}_2)_{11}.\text{C}_6\text{H}_4\text{SO}_3\text{Na}$	5-15%
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

<p>1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm; Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...): Nhóm 8: Các chất ăn mòn</p> <p>2. Cảnh báo nguy hiểm: Không có thông tin</p> <p>- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Lưu trữ trong can nhựa kín có khối lượng 20 hoặc 30 kg, bảo quản nơi thoáng mát, khô ráo, không hạn chế thời gian bảo quản.</p> <p>3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng</p> <p>- Đường mắt: Gây bỏng rát khi bị dây vào mắt.</p> <p>- Đường thở: Gây khô niêm mạc, gây ho sặc, bỏng rát cổ họng, tổn thương phổi</p>

- Đường da: Gây ngứa, ăn mòn mạnh khi bị dây vào da.
- Đường tiêu hóa: Gây buồn nôn, chảy máu dạ dày khi uống phải, nặng có thể gây chết người.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): Cần rửa mắt bằng dòng nước ít nhất 15 phút và giữ nguyên mí mắt để rửa, có thể rửa được toàn bộ mắt. Sau khi rửa cần đưa nạn nhân đến trung tâm y tế gần nhất để xử lý kịp thời.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): Cần thay ngay quần áo vào giày. Rửa sạch vùng da bị dính hóa chất tối thiểu 15 phút, nếu bị nặng cần đưa nạn nhân đến cơ sở y tế để xử lý kịp thời.
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi khí): Cần đưa nạn nhân ra nơi thoáng mát và thay quần áo cho nạn nhân. Nếu nạn nhân khó thở cần hô hấp nhân tạo và đưa đến cơ sở y tế.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Ít xảy ra đối với hóa chất VH305. Tuy nhiên nếu nuốt phải, cần uống nhiều nước. Ép nạn nhân nôn. Không được tiếp xúc với nạn nhân bằng mồm để tránh ngộ độc thứ cấp. Đưa nạn nhân đến cơ sở y tế càng sớm càng tốt.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** (nếu có): Hóa chất uống phải có tính axit.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Không cháy khi tiếp xúc với nguồn nhiệt.
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Không có thông tin
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): Không có thông tin
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** Không có thông tin
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Không có thông tin
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có): Không có thông tin

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- **Tràn đổ và rò rỉ ở mức nhỏ:** Cần không chế vi phạm rò rỉ, thu gom hóa chất vào thùng đựng bằng nhựa, không xả trực tiếp vào đường ống thải. Rửa sạch khu vực rò rỉ bằng nước.
- **Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:** Trang bị bảo hộ cad nhân đầy đủ khi xử lý. Cô lập khu vực bị tràn đổ, lấy lại hóa chất có thể, dùng các chất trợ như mùn cưa, cát, đất để thu gom hóa chất vào thùng đựng bằng nhựa và xử lý theo phương pháp chôn lấp, rửa sạch khu vực rò rỉ và tràn đổ.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:** Không có thông tin
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản:** Khu vực bảo quản nên được bố trí thông gió thoáng mát.



III. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...): Khu vực làm việc cần thông thoáng.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ.
- Bảo vệ thân thể: Quần áo bảo hộ lao động
- Bảo vệ tay: Găng tay
- Bảo vệ chân: Ủng

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Không có thông tin

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...): Không có thông tin



IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: Lỏng, đồng nhất	Điểm sôi ($^{\circ}\text{C}$): $> 100^{\circ}\text{C}$
Màu sắc: Trắng đến vàng nhạt	Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$): không có sẵn
Mùi đặc trưng: Hơi sốc	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có sẵn
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$): không có sẵn
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ hòa tan trong nước: Tan không giới hạn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ PH: 6.0-9.0	Tỷ lệ hóa hơi: không có sẵn
Khối lượng riêng (TCVN 2691-79): 0.95-1.05 kg/l	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định ở trạng thái lỏng.

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Không có thông tin
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Ăn mòn vật liệu bằng kim loại như thép cacbon, thép mạ kẽm, nhôm, đồng, không ăn mòn cao su, nhựa.
- Các chất (có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): Không có thông tin
- Phản ứng trùng hợp: Không có thông tin

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1 LAS	LD50	404 mg/kg	Tiêu hóa	Chuột
Thành phần 2 (nếu có)				
Thành phần 3 (nếu có)				



1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): Không có thông tin
2. Các ảnh hưởng độc khác: Không có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
LAS	KHÔNG CÓ THÔNG TIN		
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Là chất phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD: Không có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Sản phẩm của quá trình phân hủy ít độc hơn sản phẩm gốc
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: không có thông tin.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Không có thông tin
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Không có thông tin
3. Biện pháp tiêu hủy: Không có thông tin
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Không có thông tin

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định	Không áp dụng		8	Can nhựa 30 kg	5.1	

Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA ...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): Chưa có thông tin
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký
3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 27-09-2014

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 09-03-2016

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

CÔNG TY TNHH TM DV KHÁNH AN SÀI GÒN

Giám đốc



Lê Hoàng Mi Sa